

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ	7 - 9
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ	10
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ	11 - 12
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ	13 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (sau đây được gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước với tên gọi là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp. Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3168/QĐ-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên giao dịch là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 04/7/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 11 ngày 04/7/2022 là: 1.419.915.000.000 VND (*Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*).

Tên giao dịch quốc tế: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION.

Tên viết tắt là: MIE.

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn Upcom với mã cổ phiếu là MIE.

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quốc Toàn	Chủ tịch
Ông Phạm Thành Đông	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 28/6/2022)
Ông Lê Quốc Hưng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 28/6/2022)
Ông Hoàng Minh Việt	Thành viên
Ông Cù Ngọc Phương	Thành viên
Bà Trần Thị Thu Trang	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Đinh Quang Hòa	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Khánh Ly	Thành viên
Bà Lê Thị Minh Huyền	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Thành Đông	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 30/6/2022)
Ông Lê Quốc Hưng	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 30/6/2022)
Ông Đậu Huy Ngọc Linh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Trung Thực	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Trần Thị Thu Trang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Huy Hải	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 29/4/2022)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Tại ngày 04/7/2022, Tổng Công ty đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần thứ 11, theo đó, người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty là ông Phạm Thành Đông - Tổng Giám đốc.

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện nêu trên, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc tại ngày 30/6/2022 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ để Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Thành Đông

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2022

Số: 107 /2022/BCSX-CPA VIETNAM-NV4

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP, được lập ngày 16/8/2022, từ trang 07 đến trang 43, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/6/2022, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- (1) Như trình bày tại Mục 5.2.b, Phần 5, Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 của hai Công ty con là Công ty TNHH MTV Xuất Nhập khẩu Sản phẩm cơ khí và Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật đang bao gồm các khoản công nợ phải thu tồn đọng, đã quá hạn thanh toán tính đến thời điểm 30/9/2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp) nhưng chưa được xử lý khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Theo Công văn 2230/BCT- CNNg ngày 20 tháng 03 năm 2017 về việc đề nghị xử lý tài chính tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP, Bộ Công thương yêu cầu Tổng Công ty tiến hành rà soát, chuẩn bị tài liệu và hồ sơ có liên quan trong đó có hồ sơ các khoản công nợ phải thu khó đòi, kèm theo hồ sơ công tác quyết toán

cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển sang công ty cổ phần để trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết khi thực hiện công tác quyết toán cổ phần hóa. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, các đơn vị này vẫn đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt quyết toán cổ phần hóa và xử lý các vấn đề liên quan trong đó có khoản công nợ tồn đọng. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá tổn thất khoản đầu tư vào hai Công ty con này.

- (2) Cũng được trình bày tại Mục 5.2.b, Phần 5, Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, do chưa có kết luận cuối cùng của Cơ quan có thẩm quyền về trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên có liên quan trong vụ án đang được xét xử xảy ra tại Xí nghiệp kinh doanh Xuất nhập khẩu tổng hợp - Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung (Công ty con) nên Tổng Công ty chưa có đủ cơ sở để ước tính giá trị tổn thất của khoản đầu tư vào Công ty con này;

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2022, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, tại ngày phát hành Báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang tiếp tục được thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành Công ty cổ phần.

Như trình bày tại Mục 5.18.b, Phần 5, Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ; Vốn Điều lệ đăng ký trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 đồng. Tại ngày 30/6/2022, Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ là 1.418.634.488.001 đồng, chênh lệch là (1.280.511.999) đồng so với Vốn Điều lệ đăng ký. Chênh lệch này là do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo quy định. Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty mẹ và 4 Công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% vốn vẫn đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Sau khi có phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ có những điều chỉnh về Vốn Điều lệ đăng ký theo quy định.

Kết luận ngoại trừ của Chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề nêu trên.



Nguyễn Tài Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0133-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 14/2022/UQ-CPA VIETNAM ngày 03/01/2022 của Phó Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2022	01/01/2022
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		370.119.971.111	454.975.776.614
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.262.854.883	8.926.040.337
1. Tiền	111		5.262.854.883	8.926.040.337
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	15.500.000.000	11.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		15.500.000.000	11.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		197.979.801.277	265.066.200.532
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	166.313.878.650	237.806.241.427
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	21.331.434.133	15.262.470.571
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		805.500.000	805.500.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	13.768.077.195	15.731.077.235
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(4.239.088.701)	(4.539.088.701)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	117.822.563.193	139.033.303.807
1. Hàng tồn kho	141		117.822.563.193	139.033.303.807
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.554.751.758	30.950.231.938
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	398.226.981	28.164.576
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		29.888.099.452	30.684.005.011
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.13	268.425.325	238.062.351
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		1.234.272.293.442	1.233.945.949.707
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.857.094.425	37.500.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	1.857.094.425	37.500.000
II. Tài sản cố định	220		30.909.461.763	32.084.009.451
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	30.909.461.763	32.084.009.451
- Nguyên giá	222		48.491.426.021	48.491.426.021
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.581.964.258)	(16.407.416.570)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.10	-	-
- Nguyên giá	228		100.000.000	100.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(100.000.000)	(100.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	5.11	20.982.955.118	21.275.501.900
- Nguyên giá	231		23.403.742.571	23.403.742.571
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(2.420.787.453)	(2.128.240.671)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

TÀI SẢN	MS	TM	30/6/2022	01/01/2022
			VND	VND
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	1.180.460.941.347	1.180.460.941.347
1. Đầu tư vào công ty con	251		1.160.969.434.283	1.160.969.434.283
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.772.952.058	1.772.952.058
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		17.718.555.006	17.718.555.006
VI. Tài sản dài hạn khác	260		61.840.789	87.997.009
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	61.840.789	87.997.009
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		1.604.392.264.553	1.688.921.726.321

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2022	01/01/2022
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		186.342.979.162	269.539.544.315
I. Nợ ngắn hạn	310		186.342.979.162	269.539.544.315
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	95.681.561.404	129.261.118.408
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		31.215.134.927	7.250.863.888
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	831.529.139	956.227.268
4. Phải trả người lao động	314		532.754.693	2.499.878.755
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	5.656.300.786	5.556.572.161
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.15	262.518.183	778.681.818
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	23.010.700.970	22.153.947.107
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.17	26.530.907.664	97.742.250.670
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.621.571.396	3.340.004.240
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		1.418.049.285.391	1.419.382.182.006
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.18	1.418.049.285.391	1.419.382.182.006
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(585.202.610)	747.694.005
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		732.024	563.018.363
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(585.934.634)	184.675.642
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		1.604.392.264.553	1.688.921.726.321

Người lập



Phạm Minh Đức

TB. Tài chính kế toán



Trần Thị Thu Trang

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc



Phạm Thành Đông

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	113.788.899.074	133.633.927.239
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		113.788.899.074	133.633.927.239
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	104.078.652.999	121.845.217.722
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		9.710.246.075	11.788.709.517
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	612.308.254	169.554.048
7. Chi phí tài chính	22	6.4	2.110.133.126	3.847.274.934
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.997.158.419	3.783.158.261
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.5	8.590.669.511	7.743.969.475
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(378.248.308)	367.019.156
11. Thu nhập khác	31		878.647	1.077
12. Chi phí khác	32		185.071.324	51.462.587
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		(184.192.677)	(51.461.510)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(562.440.985)	315.557.646
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.6	23.493.649	98.658.394
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	(42.954.906)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(585.934.634)	259.854.158


Người lập

TB. Tài chính kế toán

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc


Phạm Minh Đức


Trần Thị Thu Trang

Phạm Thành Đông

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

CHỈ TIÊU	MS TM	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(562.440.985)	315.557.646
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.467.094.470	1.496.020.671
Các khoản dự phòng	03	(300.000.000)	(100.000.000)
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	83.917.610	14.997.751
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(554.531.923)	(131.644.832)
Chi phí lãi vay	06	1.997.158.419	3.783.158.261
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	2.131.197.591	5.378.089.497
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	94.395.039.112	246.055.575.890
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	21.210.740.614	(105.561.310.487)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(40.038.277.848)	(73.842.378.751)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(343.906.185)	478.637.352
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.963.929.794)	(3.775.924.304)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(45.533.074)	(415.134.696)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(901.708.486)	(1.158.077.098)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	74.443.621.930	67.159.477.403
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(4.500.000.000)	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	7.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	474.967.539	131.644.832
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(4.025.032.461)	7.131.644.832

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)*(Theo phương pháp gián tiếp)*

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		22.145.449.400	215.430.801.511
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(93.367.023.830)	(316.406.298.034)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(71.221.574.430)	(100.975.496.523)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(802.984.961)	(26.684.374.288)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	8.926.040.337	34.690.796.551
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi n.tệ	61		139.799.507	(37.435.087)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	8.262.854.883	7.968.987.176

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2022

Người lập

TB. Tài chính kế toán

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Đức



Trần Thị Thu Trang



Phạm Thành Đông

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trước đây là doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp, được thành lập theo Quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3168/QĐ-BCT ngày 15 tháng 6 năm 2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16 tháng 11 năm 2015, Tổng Công ty được Bộ Công Thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty đã hoạt động chính thức dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên giao dịch là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 7 ngày 20/01/2017, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 04/7/2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 11 ngày 04/7/2022 là: 1.419.915.000.000 VND (*Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng*).

Tên giao dịch quốc tế: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION.

Tên viết tắt là: MIE

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn Upcom với mã giao dịch là MIE.

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2022 là: 952 người (tại ngày 31/12/2021 là 959 người).

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí (thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, kim khí tiêu dùng, chi tiết cụm, chi tiết phụ tùng);
- Đầu tư, xây dựng, chế tạo, lắp đặt, vận hành và chuyển giao các nhà máy nhiệt điện, thủy điện độc lập;
- Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông đường bộ, công trình thủy lợi, các công trình hạ tầng đô thị;
- Tư vấn đầu tư và dịch vụ kỹ thuật công nghệ, công nghiệp; Kinh doanh thương mại...

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2022, Tổng Công ty có các công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị trực thuộc như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

- Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

Tên	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
I. Công ty con			
1. Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Sản xuất chế tạo máy, cắt gọt kim loại, thiết bị công nghệ, Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị công nghiệp vật tư,...	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Thiết kế, chế tạo công nghệ dây chuyền bột giấy, chế tạo các kết cấu thép, thiết bị phụ tùng công nghiệp, kiểm tra X quang thiết bị chịu áp lực Sản xuất các sản phẩm giấy, nhập khẩu thiết bị vật tư, kinh doanh kho bãi văn phòng, xuất nhập khẩu thiết bị điện, điện tử công nghiệp dân dụng	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Mua bán, xuất nhập khẩu đồ gia dụng, nông sản, máy móc thiết bị, sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí...	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Môi giới thương mại ...	100%	100%
5. Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Sản xuất kinh doanh thiết bị máy móc, phụ tùng công nghiệp, hộp giảm tốc các loại khung nhà xưởng, thép cán xây dựng thép hình Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị	98,189%	98,189%
6. Công ty CP Dụng cụ số 1	Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp và dụng cụ đo lường cơ khí	51%	51%
II. Công ty liên doanh, liên kết			
1. Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội		20%	20%
III Đơn vị trực thuộc			
1. Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP	Giao dịch, mua bán máy móc thiết bị, vật tư công nghiệp; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; ...	100%	100%
2. Công ty Xây lắp công nghiệp	Chuẩn bị mặt bằng; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; ...	100%	100%
3. Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật công nghiệp	Tư vấn đầu tư, dịch vụ công nghiệp và chuyển giao công nghệ; Thực hiện các nhiệm vụ do Tổng Công ty ủy quyền	100%	100%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Tổng Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/11/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ là có thể so sánh được.

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc và Báo cáo tài chính Văn phòng Tổng Công ty giữa niên độ, các nghiệp vụ và số dư giữa Văn phòng Tổng Công ty với các đơn vị trực thuộc và giữa các đơn vị trực thuộc với nhau đã được loại trừ khi trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo là Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty, do vậy, không bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con. Người sử dụng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ nên đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 để có các thông tin hoàn chỉnh về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Quyết toán Cổ phần hóa**

Tại ngày phát hành báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa đang tiếp tục được thực hiện và Tổng Công ty chưa nhận được quyết định của cơ quan có thẩm quyền về phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại ngày chính thức chuyển thành công ty cổ phần.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát, các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, các khoản đầu tư khác được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có).

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư vào Công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Tài sản	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 5 năm.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Số năm

Nhà

40

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm: công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng, chi phí sửa chữa và chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng).

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng có thể được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó thực sự phát sinh thì khoản chênh lệch (nếu có) được ghi bổ sung hoặc ghi giảm tương ứng.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế sau khi thực hiện việc chia cổ tức cho các thành viên dựa trên tỷ lệ vốn góp theo quyết định của Hội đồng quản trị và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Chi phí tài chính khác.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp và lắp đặt các thiết bị công nghiệp và chủ yếu hoạt động tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ (%)		30/6/2022			01/01/2022		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con			1.160.969.434.283	(*)	-	1.160.969.434.283	(*)	-
{1} Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	100	100	644.670.174.361		-	644.670.174.361		-
{2} Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	100	100	163.327.600.924		-	163.327.600.924		-
{3} Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm cơ khí	100	100	186.946.683.204		-	186.946.683.204		-
{4} Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	100	100	35.893.995.830		-	35.893.995.830		-
{5} Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	98,189	98,189	126.294.786.164		-	126.294.786.164		-
{6} Công ty CP Dụng cụ số 1	51	51	3.836.193.800		-	3.836.193.800		-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			1.772.952.058	(*)	-	1.772.952.058	(*)	-
{7} Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	20	20	1.772.952.058		-	1.772.952.058		-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác			17.718.555.006	(*)	-	17.718.555.006	(*)	-
{8} Công ty CP Đá Mài Hải Dương	2,22	2,22	3.381.542.806		-	3.381.542.806		-
{9} Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng	10	10	1.432.012.200		-	1.432.012.200		-
{10} Công ty CP Xi măng Đồng Bành	10,37	10,37	12.905.000.000		-	12.905.000.000		-
<i>(Vốn góp của cán bộ, công nhân viên trong công ty)</i>								
Tổng			1.180.460.941.347		-	1.180.460.941.347		-

{1} Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/9/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty. Hiện tại, Công ty đang chờ có quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCF

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

{3} Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/9/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty. Tương tự như các công ty con do Tổng Công ty sở hữu 100% Vốn Điều lệ, Công ty đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung đang tồn tại vấn đề chưa được xử lý có liên quan đến Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp - đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung và ảnh hưởng đến số liệu tài chính của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung.

Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp trước đây do Ông Nguyễn Duy Xuyên - Phó Tổng Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Xí nghiệp điều hành. Do có những dấu hiệu có ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 142/PC44 (Đ2) ngày 19/04/2013 khởi tố vụ án hình sự, Quyết định số 572/PC44(Đ2) ngày 05/08/2013 và lệnh bắt tạm giam số 76/PC44(Đ2) cùng ngày khởi tố bị can đối với Ông Nguyễn Duy Xuyên.

Một số công nợ, giao dịch của Xí nghiệp liên quan đến vụ án trên, cụ thể:

+ Các khoản nợ phải thu bao gồm: Các khoản công nợ phải thu khách hàng của Xí nghiệp với tổng số tiền là 30.823.959.293 đồng trong đó phải thu Công ty Cổ phần Thép Hà Nội số tiền 27.264.461.695 VND, phải thu Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thế Anh số tiền 3.230.706.858 đồng; Công nợ phải thu khác đối tượng Ông Nguyễn Duy Xuyên với số tiền 48.134.425.710 đồng.

+ Các khoản vay với tổng số tiền là 50.928.533.938 đồng, bao gồm: Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Nam Hà Nội với số tiền là 24.990.000.000 đồng do Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu tổng hợp trực tiếp vay; khoản vay Ngân hàng Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội với số tiền là 24.262.809.296 đồng do Công ty đứng tên trên hợp đồng vay hộ Xí nghiệp; Khoản vay đối tượng khác gồm: Công đoàn Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Cơ khí Quang Trung số tiền 266.725.076 đồng, cá nhân Bà Trần Thị Thuộc số tiền 77.820.037 đồng và Công ty Cổ phần sản xuất Thép Mitsui Vina số tiền 1.331.179.529 đồng.

Theo bản án xét xử sơ thẩm số 337/2017/HSST ngày 30/9/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Xuyên phạm tội làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức và lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 267, điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ Luật Hình sự năm 1999.

Theo Bản án phúc thẩm số 535/2018/HSPT ngày 14, 15/8/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội quyết định: Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, người bị hại; Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 337/2017/HSST ngày 29/30/9/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để điều tra lại.

Sau khi có Kết luận số 99 ngày 30/7/2019 của Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Hà Nội, Viện Kiểm sát Nhân dân Thành phố Hà Nội đã ra Cáo trạng số 301/CT-VKS-P3 ngày 25/9/2019 kết luận hành vi của bị can Nguyễn Duy Xuyên đã phạm vào tội: lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 174 của Bộ Luật hình sự 2015 và tội làm giả con dấu, tài liệu cơ quan, tổ chức, quy định tại Khoản 1, Điều 267 của Bộ Luật Hình sự năm 1999. Hành vi của Thân Thị Nhậm, Bùi Ngọc Lan, Nguyễn Văn Vương, Tăng Thị Thanh Hà đã phạm vào tội: lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, tội phạm và hình phạt quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 174 của Luật hình sự 2015. Quyết định truy tố trước Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội để xét xử.

Tại ngày 12, 13, 14 tháng 02 năm 2020, Tòa án nhân dân TP. Hà Nội đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Nguyễn Duy Xuyên và đồng phạm về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức". Ngày 14/2/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tuyên bố bị cáo Nguyễn Duy Xuyên phạm tội Làm giả con dấu tài liệu của cơ quan tổ chức và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Khoản 1, Điều 267; Điểm a, Khoản 4, Điều 139 Bộ Luật hình sự. Bị cáo Thân Thị Nhậm, Bùi Thị Ngọc Lan, Nguyễn Văn Vương, Tăng Thị Thanh Hà phạm tội lừa đảo, chiếm đoạt tài sản, quy định tại Điều 139, Khoản 4, Điểm a của Bộ Luật hình sự.



TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCF

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Bị cáo Nguyễn Duy Xuyên và Thân Thị Nhậm phải liên đới bồi thường cho Ngân hàng Agribank chi nhánh Nam Hà Nội số tiền 24.990.000.000 VND và Ngân hàng Vietinbank Đông Hà Nội số tiền 24.262.809.296 VND. Trong đó, Nguyễn Duy Xuyên phải bồi thường 30.000.000.000 VND, Thân Thị Nhậm phải bồi thường 19.252.809.296 VND.

Để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung gửi đơn kháng cáo số 96/CV-CKQT ngày 24/02/2020 gửi Tòa án nhân dân TP. Hà Nội đề nghị tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ngân hàng Vietinbank trả lại cho Công ty Quang Trung tổng số tiền gốc là 695.138.503 VND và tiền lãi theo quy định của Ngân hàng tính đến ngày thanh toán hết gốc và lãi.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, do chưa có kết luận cuối cùng về vụ án nên chưa xác định được nghĩa vụ và trách nhiệm cụ thể của Công ty TNHH Cơ khí Quang Trung và đối tượng Nguyễn Duy Xuyên đối với các khoản công nợ phải thu và phải trả nói trên.

{3} Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/9/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty và Công ty cũng đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 của Công ty chưa bao gồm các khoản điều chỉnh liên quan đến việc đánh giá tồn thất của các khoản trả trước cho người bán tồn đọng có giá trị 20.549.503.289 đồng, các khoản đầu tư tài chính có giá trị 3.795.990.000 đồng phát sinh trước thời điểm 30/9/2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp) và các khoản phải thu khách hàng đã quá hạn thanh toán hoặc thu hồi rất chậm có tổng giá trị 19.911.605.013 đồng. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, việc xử lý các khoản nợ tồn đọng và các khoản đầu tư tài chính nêu trên đang chờ kết quả phê duyệt quyết toán cổ phần hóa Tổng Công ty.

{4} Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật (sau đây được gọi tắt là "Techno Import") do Tổng Công ty nắm giữ 100% vốn; thực hiện xác định giá trị doanh nghiệp tại ngày 30/9/2014 để phục vụ cho công tác cổ phần hóa Tổng Công ty. Tương tự các công ty do Tổng Công ty sở hữu 100% Vốn Điều lệ, Công ty đang chờ cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa cùng Công ty mẹ của Tổng Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 của Techno Import bao gồm khoản công nợ phải thu tồn đọng trước thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp và đang chờ cơ quan có thẩm quyền xem xét là 65.154.909.973 đồng và tiền thuê đất, tiền thuê nhà, tiền chậm nộp (phát sinh trước thời điểm 20/01/2017 đến nay) đang được treo trên khoản mục chi phí trả trước dài hạn mà chưa hạch toán vào chi phí trong các kỳ tương ứng với số tiền là 16.517.553.659 đồng.

Ngày 26/03/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 276/CV-MIE-DDV trình Bộ Công thương về việc báo cáo và đề xuất thực hiện tái cơ cấu Techno Import. Ngày 22/6/2018, Bộ Công thương đã có Công văn số 4961/BCT- CN về việc tái cơ cấu Techno Import đồng ý chủ trương thoái vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Techno Import. Ngày 29/08/2018, Bộ Công thương có Công văn số 6935/BCT-CN về phương án thoái vốn của MIE tại Techno Import. Ngày 29/11/2018, Bộ Tài chính đã có Công văn số 14893/BTC-TCDN về việc hướng dẫn thực hiện thoái vốn MIE đầu tư tại Techno Import.

Ngày 19/4/2019, Tổng Công ty có Văn bản số 321/CV-MIE-DDV trình Bộ Công thương xem xét, chấp thuận Phương án chuyển nhượng tài sản vốn góp của Tổng Công ty tại Techno Import. Theo đó, Tổng công ty xin đề nghị vận dụng Nghị định số 128/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ về bán, giao và chuyển giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước để thực hiện quy trình, thủ tục chuyển nhượng tài sản vốn góp của Tổng Công ty tại Techno Import thông qua phương thức bán đấu giá doanh nghiệp có kế thừa công nợ. Ngày 08/7/2019, Bộ Công thương đã có Văn bản số 4857/BCT-CN nêu rõ Tổng Công ty không thuộc đối tượng và điều kiện áp dụng của Nghị định số 128/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, việc thoái vốn tại Techno Import của Tổng Công ty chưa xong.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.2. Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

{5} Công ty Cổ phần Cơ khí Duyen Hải: được chuyển đổi từ Công ty TNHH NN MTV Cơ khí Duyen Hải trực thuộc Tổng Công ty. Tổng Công ty sở hữu 98,189% cổ phiếu có quyền biểu quyết.

{6} Công ty CP Dụng cụ số 1: Được chuyển đổi từ Công ty dụng cụ cắt và đo lường trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 3.150.600.000 đồng, chiếm 51% cổ phiếu có quyền biểu quyết và được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa tại ngày 30/09/2014 là 4.099.574.020 đồng. Tại ngày 20/01/2017, Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Dụng cụ số 1 được Tổng Công ty ghi nhận là 3.836.193.800 đồng.

{7} Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội: Vốn Điều lệ là 90.000.000.000 đồng chia thành 900.000 cổ phần, Tổng Công ty sở hữu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 1.800.000.000 đồng. Tại ngày 20/01/2017, Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội được Tổng Công ty ghi nhận là 1.772.952.058 đồng.

{8} Công ty CP Đá Mài Hải Dương: được chuyển đổi từ Công ty Đá Mài trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.000.000.000 đồng, chiếm 2,22% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Căn cứ vào kết quả xác định giá trị đã được phê duyệt, khoản đầu tư này được đánh giá là 1.631.736.071 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 3.717.410.306 đồng.

{9} Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng: Được chuyển đổi từ Nhà Máy Cơ khí Chế tạo Hải Phòng trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.037.690.000 đồng, chiếm 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa tại ngày 30/09/2014 là 1.463.141.355 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), căn cứ vào giá giao dịch cổ phiếu của Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng, Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 1.432.012.200 đồng. Ngày 27/03/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 269/CV-MIE-HĐQT gửi Bộ Công thương về việc thoái vốn MIE đầu tư tại Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng. Ngày 04/05/2018, Bộ Công thương đã có Công văn số 3475/BCT-CN đồng ý về việc thoái hết phần vốn Tổng Công ty đầu tư tại Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng. Tuy nhiên việc thoái vốn không thành công và Tổng công ty đã báo cáo với Bộ Công thương.

{10} Công ty CP Xi măng Đồng Bành: Vốn Điều lệ là 301.000.000.000 đồng. Ban đầu, khoản đầu tư này được Tổng Công ty ghi nhận là 31.200.000.000 đồng, chiếm 10,37% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 27.298.839.658 đồng. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 12.905.000.000 đồng.

(*) Tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Tổng Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết và Các khoản đầu tư khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 bởi vì không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn cụ thể về cách xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCPSố 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.3. Phải thu của khách hàng	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	166.313.878.650	237.806.241.427
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	13.726.077.822	11.781.116.617
Ban Quản lý dự án Điện 2 - Tập đoàn điện lực Việt Nam	12.559.684.186	43.745.832.863
Công ty CP Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	42.754.923.370	42.754.923.370
Công ty CP Thủy điện Long Tạo Điện Biên	17.283.283.733	21.283.283.733
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	20.683.928.674	26.072.149.416
Đối tượng khác	59.305.980.865	92.168.935.428
Tổng	166.313.878.650	237.806.241.427
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>13.726.077.822</i>	<i>11.781.116.617</i>
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)		

5.4. Trả trước cho người bán	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn		
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Tam Long	4.433.353.943	4.433.353.943
Guangxi Shanrong Investment Co.,LTD	12.190.786.550	3.629.673.460
Các khách hàng khác	4.707.293.640	7.199.443.168
Tổng	21.331.434.133	15.262.470.571

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.5. Phải thu khác

	30/6/2022		01/01/2022		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	
a) Ngắn hạn					
Phải thu về cổ phần hóa	13.768.077.195	-	15.731.077.235	-	-
Ký cược, ký quỹ	3.423.839.908	-	3.423.839.908	-	-
Bảo hiểm xã hội, Y tế	2.800.000	-	2.800.000	-	-
Tạm ứng	162.904.362	-	162.496.453	-	-
Phải thu Công ty con	9.343.316.226	-	11.037.308.943	-	-
+ Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	44.080.646	-	44.080.646	-	-
+ Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	37.161.309	-	37.161.309	-	-
Phải thu khác	6.919.337	-	6.919.337	-	-
b) Dài hạn	791.136.053	-	1.060.551.285	-	-
Ký cược, ký quỹ	1.857.094.425	-	37.500.000	-	-
Tổng	1.857.094.425	-	37.500.000	-	-
Tổng	15.625.171.620	-	15.768.577.235	-	-
Trong đó:					
Phải thu khác bên liên quan	44.080.646	-	44.080.646	-	-
(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)					

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.6. Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc
				Giá trị có thể thu hồi
Ngắn hạn				
Phải thu của khách hàng	4.239.088.701	-	(4.239.088.701)	4.539.088.701
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cơ khí Sông Hồng	2.196.370.548	-	(2.196.370.548)	2.196.370.548
Công ty CP Cơ khí Điện lực	2.042.718.153	-	(2.042.718.153)	2.342.718.153
Tổng	4.239.088.701	-	(4.239.088.701)	4.539.088.701

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.7. Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	115.690.271	-	115.690.271	-
Chi phí SXKD dở dang	110.209.474.658	-	122.071.425.427	-
Hàng hoá	7.497.398.264	-	16.846.188.109	-
Tổng	117.822.563.193	-	139.033.303.807	-

5.8. Chi phí trả trước

	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	398.226.981	28.164.576
Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ	13.226.981	16.257.853
Chi phí trả trước chờ phân bổ	385.000.000	11.906.723
b) Dài hạn	61.840.789	87.997.009
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	54.190.789	72.247.009
Chi phí trả trước dài hạn khác	7.650.000	15.750.000
Tổng	460.067.770	116.161.585

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2022	41.972.594.163	282.774.500	5.914.430.630	321.626.728	48.491.426.021
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2022	41.972.594.163	282.774.500	5.914.430.630	321.626.728	48.491.426.021
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2022	14.086.012.605	260.540.320	1.791.862.400	269.001.245	16.407.416.570
Tăng trong kỳ	827.292.786	7.091.292	329.884.380	10.279.230	1.174.547.688
Khấu hao trong kỳ	827.292.786	7.091.292	329.884.380	10.279.230	1.174.547.688
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2022	14.913.305.391	267.631.612	2.121.746.780	279.280.475	17.581.964.258
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2022	27.886.581.558	22.234.180	4.122.568.230	52.625.483	32.084.009.451
Tại ngày 30/6/2022	27.059.288.772	15.142.888	3.792.683.850	42.346.253	30.909.461.763

- Tại ngày 30/6/2022, Nguyên giá các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 680.263.271 VND (tại ngày 31/12/2021 là 620.885.998 VND).

- Tại ngày 30/6/2022, Tổng Công ty đã sử dụng tài sản trên đất là trụ sở Tổng Công ty tại 7A Mạc Thị Bưởi, P. Vĩnh Tuy, Q. Hai bà Trưng, TP. Hà Nội làm tài sản thế chấp cho hợp đồng hạn mức tín dụng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Giá trị còn lại của tài sản này tại ngày 30/6/2022 là: 26.577.745.208 đồng và tại ngày 31/12/2021 là: 27.359.443.598 đồng.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCPSố 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.10. Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2022	100.000.000	100.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2022	100.000.000	100.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2022	100.000.000	100.000.000
Khấu hao trong kỳ		
Số dư tại ngày 30/6/2022	100.000.000	100.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2022	-	-
Tại ngày 30/6/2022	-	-

5.11. Bất động sản đầu tư*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	01/01/2022	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/6/2022
Bất động sản đầu tư cho thuê				
Nguyên giá	23.403.742.571	-	-	23.403.742.571
- Nhà	23.403.742.571	-	-	23.403.742.571
Giá trị hao mòn lũy kế	2.128.240.671	292.546.782		2.420.787.453
- Nhà	2.128.240.671	292.546.782	-	2.420.787.453
Giá trị còn lại	21.275.501.900	-	292.546.782	20.982.955.118
- Nhà	21.275.501.900	-	292.546.782	20.982.955.118

Bất động sản đầu tư cho thuê tại tầng 4, Tòa nhà SME Hoàng Gia, số 12 Tô Hiệu, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội và nhà xưởng có địa chỉ tại số 133, phường Quán Toan, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng được Tổng Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2022 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Bảng Cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCPSố 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.12. Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	30/6/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngắn hạn	95.681.561.404	95.681.561.404	129.261.118.408	129.261.118.408
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	16.400.702.715	16.400.702.715	22.423.836.836	22.423.836.836
Công ty Cổ phần Trường Nhật	1.365.277.342	1.365.277.342	8.621.521.221	8.621.521.221
Công ty Cổ phần Thương mại CITICOM	15.574.145.979	15.574.145.979	15.049.709.150	15.049.709.150
Các đối tượng khác	62.341.435.368	62.341.435.368	83.166.051.201	83.166.051.201
Tổng	95.681.561.404	95.681.561.404	129.261.118.408	129.261.118.408
<i>Trong đó:</i>				
<i>Phải trả người bán là các bên liên quan</i>	<i>16.559.849.397</i>	<i>16.559.849.397</i>	<i>23.911.039.388</i>	<i>23.911.039.388</i>
<i>(Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)</i>				

5.13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2022	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2022
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	951.760.149	1.224.537.228	1.356.602.802	819.694.575
Thuế xuất, nhập khẩu	-	5.302.816	5.302.816	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	23.493.649	15.170.100	8.323.549
Thuế thu nhập cá nhân	4.467.119	51.472.713	52.428.817	3.511.015
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	190.510.846	190.510.846	-
Các loại thuế	-	110.680.000	110.680.000	-
Phải nộp khác	-	148.666.211	148.666.211	-
Tổng	956.227.268	1.754.663.463	1.879.361.592	831.529.139
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	10.920.722	-	-	10.920.722
Thuế thu nhập doanh nghiệp	133.607.208	-	30.362.974	163.970.182
Phải nộp khác	93.534.421	-	-	93.534.421
Tổng	238.062.351		30.362.974	268.425.325

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCPSố 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.14. Chi phí phải trả	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	5.656.300.786	5.556.572.161
Lãi vay phải trả	5.522.800.786	5.489.572.161
Chi phí phải trả khác	133.500.000	67.000.000
Tổng	5.656.300.786	5.556.572.161

5.15. Doanh thu chưa thực hiện	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	262.518.183	778.681.818
Cho thuê Văn phòng	262.518.183	778.681.818
Tổng	262.518.183	778.681.818

5.16. Phải trả khác	30/6/2022	01/01/2022
	VND	VND
Ngắn hạn	23.010.700.970	22.153.947.107
Thu của các cổ đông góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Bành	12.905.000.000	12.905.000.000
Kinh phí công đoàn	53.043.200	54.480.852
Bảo hiểm xã hội	1.515.483.881	1.456.497.881
Bảo hiểm y tế	22.815.000	19.305.000
Bảo hiểm thất nghiệp	9.360.000	8.173.540
Phải trả về CPH	4.257.988.040	4.257.988.040
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	877.382.500	11.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.369.628.349	3.441.501.794
Tổng	23.010.700.970	22.153.947.107

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

	30/6/2022		Trong kỳ		01/01/2022	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị	Trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Trả nợ
5.17. Vay và nợ thuê tài chính						
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển	20.709.514.614	20.709.514.614	19.317.587.181	91.182.677.237	92.574.604.670	92.574.604.670
{1} Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội						
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	1.483.747.050	1.483.747.050	2.838.093.643	1.354.346.593	-	-
- Chi nhánh Thăng Long						
Vay Cá nhân						
Ông Vũ Trung Kiên	-	-	-	230.000.000	230.000.000	230.000.000
Ông Nguyễn Văn Giáp	-	-	-	600.000.000	600.000.000	600.000.000
Cá nhân khác	337.646.000	337.646.000	-	-	337.646.000	337.646.000
Nợ dài hạn đến hạn trả						
Tổng Công ty Bía rượu và NGK Sài Gòn						
{2} (nay là Tổng Công ty Cổ phần Bía - Rượu -	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000
Nước giải khát Sài Gòn) - SABECO						
b) Vay dài hạn						
Tổng	26.530.907.664	26.530.907.664	22.155.680.824	93.367.023.830	97.742.250.670	97.742.250.670

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.17. Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Thông tin các khoản vay

{1} Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/31009/HĐTD ngày 28/10/2021. Cụ thể:

Hạn mức là 500.000.000.000 đồng;

Mục đích: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;

Tài sản đảm bảo: theo hợp đồng thế chấp bất động sản đã được giao kết và bằng toàn bộ số dư tiền gửi của khách hàng trên tài khoản tiền gửi tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác cùng với các đảm bảo khác;

Lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể.

{2} Khoản vay Tổng Công ty Bia rượu và NGK Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn) - SABECO, lãi suất là 6,6%/năm, thời hạn vay 05 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

5.18. Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2021	1.418.634.488.001	563.018.363	1.419.197.506.364
Lãi trong năm trước	-	184.675.642	184.675.642
Số dư tại ngày 31/12/2021	1.418.634.488.001	747.694.005	1.419.382.182.006
Số dư tại ngày 01/01/2022	1.418.634.488.001	747.694.005	1.419.382.182.006
Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	(746.961.981)	(746.961.981)
Lỗ trong kỳ này	-	(585.934.634)	(585.934.634)
Số dư tại ngày 30/6/2022	1.418.634.488.001	(585.202.610)	1.418.049.285.391

b) Chi tiết Vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Đối tượng		
Vốn của Nhà nước và các cổ đông khác (*)	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Tổng	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001

(*) Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Tổng Công ty là: 1.419.915.000.000 đồng lớn hơn Vốn góp của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ 1.280.511.999 đồng là do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo quy định. Công ty mẹ và 4 công ty TNHH MTV do Tổng Công ty đang sở hữu 100% vốn vẫn đang chờ các cơ quan có thẩm quyền xem xét và phê duyệt hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Sau khi có phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa, Tổng Công ty sẽ có những điều chỉnh về Vốn theo quy định.

c) Các giao dịch về vốn Chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	30/6/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	141.991.500	141.991.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	113.788.899.074	133.633.927.239
trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	10.840.383.724	39.677.460.070
Doanh thu dự án	102.948.515.350	93.956.467.169
Tổng	113.788.899.074	133.633.927.239
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 7.1)	1.768.146.550	9.219.953.139
6.2. Giá vốn hàng bán	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ	9.346.198.493	36.422.484.691
Giá vốn dự án	94.732.454.506	85.422.733.031
Tổng	104.078.652.999	121.845.217.722
6.3. Doanh thu hoạt động tài chính	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	332.200.423	27.875.832
Cổ tức, lợi nhuận được chia	222.331.500	103.769.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	57.776.331	37.909.216
Tổng	612.308.254	169.554.048

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCPSố 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6.4. Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Lãi tiền vay	1.997.158.419	3.783.158.261
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	29.057.097	49.118.922
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	83.917.610	14.997.751
Tổng	2.110.133.126	3.847.274.934

6.5. Chi phí Quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.700.317.978	1.786.873.656
Chi phí đồ dùng văn phòng	111.402.939	335.134.850
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.467.094.470	1.496.020.671
Thuế, phí và lệ phí	197.330.846	327.995.012
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(300.000.000)	(100.000.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	399.921.145	427.423.091
Chi phí bằng tiền khác	4.014.057.133	3.470.522.195
Tổng	8.590.669.511	7.743.969.475

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(562.440.985)	315.557.646
Các khoản điều chỉnh		
Tăng Thu nhập chịu thuế	50.966.492	123.613.793
+ <i>Khấu hao ô tô</i>	50.965.920	50.965.920
+ <i>Chi phí không hợp lý</i>	572	72.647.873
Giảm Thu nhập chịu thuế	522.331.500	203.769.000
+ <i>Cổ tức nhận được trong kỳ</i>	222.331.500	103.769.000
+ <i>Khác</i>	300.000.000	100.000.000
Tổng thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	(1.033.805.993)	235.402.439
Thuế TNDN phải nộp tại Văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị thành viên	23.493.649	98.658.394

6.7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	68.774.903.081	70.758.941.037
Chi phí nhân công	4.342.305.308	4.322.538.306
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.467.094.470	1.496.020.671
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.686.179.706	10.679.507.878
Chi phí bằng tiền khác	5.134.904.853	5.193.030.643
Tổng	87.405.387.418	92.450.038.535

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7. THÔNG TIN KHÁC**7.1. Giao dịch đối với bên liên quan****a) Thông tin**

<u>Đối tượng</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Tỷ lệ sở hữu</u>
Cá nhân		
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Điều hành Tổng Công ty	
Tổ chức		
Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP	Đơn vị phụ thuộc	100%
Công ty Xây lắp công nghiệp	Đơn vị phụ thuộc	100%
Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ kỹ thuật công nghiệp	Đơn vị phụ thuộc	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Công ty con	100%
Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	Công ty con	100%
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	98,189%
Công ty CP Dụng cụ số 1	Công ty con	51%
Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	Công ty liên kết	20%

b) Giao dịch với Bên liên quan

<u>Thu nhập của nhân sự chủ chốt</u>	<u>Giao dịch</u>	<u>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND</u>	<u>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND</u>
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Tiền lương và thù lao	767.672.880	891.814.162
<u>Đối tượng</u>	<u>Giao dịch</u>	<u>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022 VND</u>	<u>Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 VND</u>
<u>Tổng Công ty bán hàng cho các đơn vị:</u>			
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Bán hàng	1.768.146.550	9.195.538.784
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Bán hàng	-	24.414.355
<u>Tổng Công ty mua hàng của các đơn vị:</u>			
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Mua hàng	306.565.503	4.624.980.100
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Mua hàng	-	175.898.200
Nhà máy Quy chế Từ Sơn (trực thuộc Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí)	Mua hàng	76.574.482	206.186.176

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCPSố 7A phố Mạc Thị Bưởi, quận Hai Bà Trưng,
thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT- BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2022

7.1. Giao dịch đối với bên liên quan (Tiếp theo)**c) Số dư với Bên liên quan**

Khoản mục	Mối quan hệ	30/6/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng			
Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	13.726.077.822	11.781.116.617
Phải thu khác bên liên quan			
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	37.161.309	37.161.309
Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Công ty con	6.919.337	6.919.337
Phải trả người bán là các bên liên quan			
Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải	Công ty con	16.400.702.715	22.423.836.836
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Hà Nội	Công ty con	-	1.412.287.800
Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Công ty con	41.659.090	41.659.090
Nhà máy Quy chế Từ Sơn (trực thuộc Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí)	Công ty con	117.487.592	33.255.662

7.2. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Thông tin so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2021 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Người lập



Phạm Minh Đức

TB. Tài chính kế toán



Trần Thị Thu Trang

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc



Phạm Thành Đông